| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 403/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Trần Văn Chánh

*- Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 455/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Lệ H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: M3/39C, khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc gửi thư: Ấp B1, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Minh T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: A, tổ 34, khu phố 7, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt; ông T vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Vũ Thị Lệ H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Minh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96/2006 ngày 10/5/2006). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chung sống không hòa thuận, ông T không quan tâm vợ con và còn đánh bà, mặc dù đã nhiều lần bà tha thứ cho ông T nhưng ông vẫn không thay đổi. Sau nhiều lần chịu đựng không được nên bà và các con về nhà cha mẹ ruột ở, do đó vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông Toàn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Toàn.

Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2013 và Đỗ Vũ Khánh Ng, sinh ngày 04/8/2007. Ly hôn, bà H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung; Tạm thời bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Để tự thỏa thuận, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà H khai không có.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Đỗ Minh T: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với ông T; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông Đỗ Minh T vẫn vắng mặt.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài tiệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Lệ H là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoà, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Đề nghị Toà án giao 02 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2013 và Đỗ Vũ Khánh Ng, sinh ngày 04/8/2007 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T vắng mặt và không có lời khai, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ-ST: Bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Đỗ Minh T, cư trú tại địa chỉ: H96A, tổ 34, khu phố 7, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn bà Vũ Thị Lệ H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đỗ Minh T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96/2006 ngày 10/5/2006). Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông T, theo bà H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, ông T không quan tâm vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, hiện bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2016 nên tình cảm vợ chồng không còn, nay bà H nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông Toàn, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Qua xác minh về việc mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng bà Hoà, ông T mặc dù địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của vợ chồng do không có đơn trình báo, nhưng qua lời khai của bà H trong quá trình tham gia tố tụng, bà H xác định tình cảm vợ chồng thật sự đã không còn nên vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, trong thời gian sống ly thân giữa bà và ông T không gặp và liên lạc gì với nhau, nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Toàn. Vì vậy, có căn cứ xác định nguyên nhân và lý do bà H yêu cầu được ly hôn với ông T

theo như bà H đã trình bày là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T vẫn vắng mặt, không đến Toà án trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy ông T đã tự bỏ mặc hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẩn vợ chồng của bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoà, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Toàn.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2013 và Đỗ Vũ Khánh Ng, sinh ngày 04/8/2007. Ly hôn, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập lời khai của các con, nguyện vọng của các con đều xin được sống với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án làm việc và cũng không có tài liệu, chứng cứ gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc người trực tiếp nuôi con nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Xét thấy, hiện nay 02 con đang sống cùng với bà H và nguyện vọng của các con đều xin được sống với mẹ. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hai con, không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở học hành của các con, xét thấy nguyện vọng của bà H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp nên chấp nhận, Hội đồng xét xử giao 02 con là Đỗ Minh Q và Đỗ Vũ Khánh Ng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu cầu, nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Tài sản chung bà H khai để tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết; về nợ chung bà H khai không có. Tuy nhiên, do không có lời khai của ông T nên tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6.] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Vũ Thị Lệ H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Vũ Thị Lệ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Lệ H được ly hôn với ông Đỗ Minh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2013 và Đỗ Vũ Khánh Ng, sinh ngày 04/8/2007. Ly hôn, giao bà Vũ Thị Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Đỗ Minh Q và Đỗ Vũ Khánh Ng. Tạm thời ông Đỗ Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0006346 ngày 21/02/2023.

5. Bà Vũ Thị Lệ H và ông Đỗ Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Văn Hùng**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND phường T, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).